**Đặc tả use case UC002.1 “Soát vé 1 chiều lúc vào”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use Case** | UC002.1 | Tên Use Case | Soát vé 1 chiều lúc vào |
| **Tác nhân** | Khách hàng | | |
| **Tiền điều kiện** | Không | | |
| **Luồng sự kiện chính (thành công)** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | |  | Khách hàng | Cho vé vào máy nhận diện vé | |  | Máy nhận diện vé | Kiểm tra xem vé có hợp lệ không? | |  | Hệ thống | Nếu vé hợp lệ thì hiển thị thông tin về vé như id, số tiền trong vé, trạng thái,… | |  | Hệ thống | Kiểm tra xem vé đã được sử dụng chưa? | |  | Hệ thống | Kiểm tra xem điểm vào có ở giữa 2 điểm đầu và điểm cuối được ghi trên vé không? | |  | Hệ thống | Lưu trữ điểm vào của vé | |  | Cổng kiểm soát | Mở cửa cho khách hàng vào | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 3a. | Hệ thống | Nếu vé không hợp lệ thì hiển thị vé không hợp lệ | | 5a. | Hệ thống | Nếu vé đã qua sử dụng thì hiện thị thông báo vé đã qua sử dụng | | 6a. | Hệ thống | Nếu điểm vào không ở giữa 2 điểm đầu và cuối thì thông báo lỗi | | | |
| **Hậu điều kiện** | Không | | |

**Đặc tả use case UC002.2 “Soát vé 1 chiều lúc ra”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use Case** | UC002.2 | Tên Use Case | Soát vé 1 chiều lúc ra |
| **Tác nhân** | Khách hàng | | |
| **Tiền điều kiện** | Không | | |
| **Luồng sự kiện chính (thành công)** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | |  | Khách hàng | Cho vé vào máy nhận diện vé | |  | Máy nhận diện vé | Kiểm tra xem vé có hợp lệ không | |  | Hệ thống | Nếu vé hợp lệ thì hiển thị thông tin về vé như id, số tiền trong vé, trạng thái,… | |  | Hệ thống | Tính toán giá giữa 2 điểm đầu và cuối | |  | Hệ thống | Nếu giá nhỏ hơn hoặc bằng giá vé thì mở cổng | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 3a. | Hệ thống | Nếu không thì thông báo vé không hợp lệ | | 5a. | Hệ thống | Nếu không thì cổng vẫn sẽ đóng | | | |
| **Hậu điều kiện** | Không | | |

**Đặc tả use case UC003.1 “Soát vé 24h lúc vào”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use Case** | UC003.1 | Tên Use Case | Soát vé 24h lúc vào |
| **Tác nhân** | Khách hàng | | |
| **Tiền điều kiện** | Không có | | |
| **Luồng sự kiện chính (thành công)** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | |  | Khách hàng | Cho vé 24h vào máy nhận diện vé | |  | Máy nhận diện vé | Kiểm tra xem vé có hợp lệ không | |  | Hệ thống | Nếu thẻ hợp lệ thì hiển thị thông tin về vé như id, số tiền trong vé, trạng thái,… | |  | Hệ thống | Lưu thông tin điểm vào và thời gian vào của khách của khách | |  | Cổng kiểm soát | Mở cửa cho khách vào | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 3a. | Hệ thống | Nếu thẻ không hợp lệ thì thông báo thẻ không hợp lệ | | | |
| **Hậu điều kiện** | Không | | |

**Đặc tả use case UC003.2 “Soát vé 24h lúc ra”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use Case** | UC003.2 | Tên Use Case | Soát vé 24h lúc ra |
| **Tác nhân** | Khách hàng | | |
| **Tiền điều kiện** | Không có | | |
| **Luồng sự kiện chính (thành công)** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | Khách hàng | Cho vé 24h vào máy nhận diện vé | | 2. | Máy nhận diện vé | Kiểm tra xem vé có hợp lệ không | | 3. | Hệ thống | Nếu thẻ hợp lệ thì hiển thị thông tin về vé như id, số tiền trong vé, trạng thái,… | | 4. | Hệ thống | Nếu thời gian là trong vòng 24h từ khi vào thì mở cửa | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 3a. | Hệ thống | Nếu thẻ không hợp lệ thì thông báo thẻ không hợp lệ | | 4a. | Hệ thống | Nếu không thì cửa vẫn đóng | | | |
| **Hậu điều kiện** | Không | | |